TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: **03**/2025/KDTM-ST*
Ngày 29 tháng 7 năm 2025
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thông

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Hà và ông Phạm Thuận

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Phạm Nguyên Khang

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng tham gia phiên tòa***:** Bà Nguyễn Đức Lam Phương – Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 7 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 3 - Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2024/TLST-KDTM ngày 27 tháng 11 năm 2024 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2025/QĐXXST-KDTM ngày 09 tháng 5 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 350/2025/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 6 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 01/2025/QĐST-KDTM ngày 09 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Ngân hàng TMCP N**

Trụ sở: Số B đường C, Phường D, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (Nay là số B đường C, phường B, thành phố Hồ Chí Minh). Đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô Phúc V – chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: Công ty TNHH MTV Q – Ngân hàng TMCP N; Địa chỉ: Lầu F, số D L, phường H, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là số D L, phường T, thành phố Hồ Chí Minh) Người được ủy quyền: Ông Hoàng Trọng T – Chức vụ: Tổng giám đốc Công ty A1 kiêm Giám đốc Chi nhánh thành phố H. Ông Hoàng Trọng T ủy quyền lại cho ông Lê Ngọc T1. Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ - Công ty TNHH MTV Q1 và Khai thác tài sản Ngân hàng TMCP N. Địa chỉ: SR18-SR19 Trung tâm thương mại Q2, số G N, phường L, thành phố Q, tỉnh Bình Định (Nay là số G N, phường Q, tỉnh Gia Lai) *(Theo Giấy uỷ quyền số 897/2024/UQ-AMC ngày 14/10/2024), có mặt.*

- *Bị đơn:* Công ty TNHH N1 Trụ sở: số A T, phường C, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Nay là số A T, phường T, thành phố Đà Nẵng)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Công T2 – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty. Địa chỉ thường trú: số B L, phường T, quận T, thành phố Đà Nẵng (Nay là số B L, phường T, thành phố Đà Nẵng). Chỗ ở hiện nay: Số A N,phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. (Nay là số A N, phường T, thành phố Đà Nẵng, *vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 10 năm 2024 và các Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – Ngân hàng TMCP N và đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH N2 có quan hệ tín dụng với Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh Đ theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0530/2015/408 và giấy nhận nợ số 0530-01/2015/408 ngày 07/8/2015, với các nội dung như sau: Số tiền vay: 210.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất vay: 11.2%/năm; Mục đích vay: mua xe ô tô; Phương thức trả nợ: nợ gốc và lãi được phân kỳ trả vào ngày 07 hằng tháng (theo phụ lục trả nợ kèm theo HĐTD)

Dư nợ tạm tính đến ngày 04/10/2024 Công ty TNHH N3 nợ Ngân hàng TMCP N số nợ 188.293.471 đồng, trong đó: Nợ gốc: 80.500.000 đồng; Nợ lãi: 107.793.471 đồng (Lãi trong hạn: 10.437.005 đồng; Lãi quá hạn: 85.687.961 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 11.668.701 đồng).

Tài sản bảo đảm:

Xe ô tô tải biển kiểm soát 43C-09605, nhãn hiệu THACO, màu sơn: Trắng, số khung 00BKFC060922, số máy JT680258. Giấy đăng ký xe số 012387. Việc thế chấp được thực hiện theo HĐTC số 0530-01/2015/408-BĐ ngày 07/8/2015, công chứng tại Phòng công chứng số A Tp Đà Nẵng, số công chứng 6476 ngày 07/8/2015.

Trong thời gian thực hiện nghĩa vụ trả nợ, đến ngày 10/07/2018 Công ty TNHH N2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và nợ lãi phát sinh. Mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện để Công ty trả nợ, nhưng Công ty vẫn không thực hiện. Gần đây, Công ty có biểu hiện bất hợp tác và không thiện chí giải quyết nợ vay với Ngân hàng. Do vậy, Ngân hàng TMCP N khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

Tuyên buộc Công ty TNHH N2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số nợ vay (gốc và lãi) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Tạm tính đến ngày 04/10/2024 số tiền nợ là 188.293.471 đồng, trong đó: Nợ gốc: 80.500.000 đồng; Nợ lãi: 107.793.471 đồng (Lãi trong hạn: 10.437.005 đồng; Lãi quá hạn: 85.687.961 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 11.668.701 đồng).

1. Trong thời gian chưa thanh toán nợ, Công ty TNHH N4 phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

2. Khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà Công ty vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký, thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm (*Xe ô tô tải biển kiểm soát 43C-09605, nhãn hiệu THACO, màu sơn: Trắng, số khung 00BKFC060922, số máy JT680258. Giấy đăng ký số 012387*) để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp cũng như quy định của pháp luật;

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty TNHH N2 đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đều vắng mặt không lý do và không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N gửi đến Toà án. Nên Toà án không hoà giải được các tranh chấp trong vụ án.

Tại phiên toà,

Người đại diện theo uỷ quyền trình Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 29/07/2025 của nguyên đơn. Theo đó Ngân hàng TMCP N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu lãi phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 29/07/2025 là 13.470.041 đồng; Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn cũng xác định lại ngày Công ty TNHH N5 trả nợ là ngày 24/9/2018 và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Buộc Công ty TNHH N2 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N toàn bộ số nợ vay (gốc và lãi) theo các Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng. Tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 29/7/2025) số tiền nợ là **190.518.396 đồng** (bằng chữ: Một trăm chín mươi triệu năm trăm mười tám nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng) trong đó: Nợ gốc: 80.500.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 10.437.005 đồng; Nợ lãi quá hạn: 99.581.391 đồng;

Trong thời gian chưa thanh toán nợ, Công ty TNHH N4 phải chịu lãi suất quá hạn, lãi phạt theo quy định tại hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ đã ký kết cho đến khi thanh toán hết nợ.

Khi Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà Công ty vẫn không trả nợ theo hợp đồng tín dụng, giấy nhận nợ và Hợp đồng thế chấp tài sản đã ký, thì Ngân hàng TMCP N được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm (*Xe ô tô tải biển kiểm soát 43C-09605, nhãn hiệu THACO, màu sơn: Trắng, số khung 00BKFC060922, số máy JT680258. Giấy đăng ký số 012387*) để thu hồi nợ theo đúng quy định trong hợp đồng thế chấp cũng như quy định của pháp luật:

Bị đơn – Công ty TNHH N6 lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, các đương sự và quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý và Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn được đảm bảo kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về nội dung, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện mà nguyên đơn đã tự nguyện rút; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Ngân hàng TMCP N, buộc bị đơn – Công ty TNHH N7 thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo Hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe các đương sự trình bày và tranh luận công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân; khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn là Công ty TNHH N6 lần thứ hai không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung:

Tại phiên toà, Người đại diện theo uỷ quyền trình Đơn đề nghị rút một phần yêu cầu khởi kiện đề ngày 29/07/2025 của nguyên đơn. Theo đó Ngân hàng TMCP N rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu lãi phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 29/07/2025 là 13.470.041 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện, Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu nguyên đơn đã rút.

Xét tính hợp pháp của Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0530/2015/408 ngày 07/8/201; các Phụ lục kèm theo và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Hợp đồng được ký kết giữa nguyên đơn và bị đơn có nội dung và hình thức phù hợp với quy định của pháp luật, do hai bên tự nguyện giao kết nên các hợp đồng này là

hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng.

Mặc dù Công ty TNHH N6 và không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N. Tuy nhiên, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng TMCP N cung cấp, Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0530-01/2015/408 ngày 07/8/2015 mà Công ty TNHH N2 ký kết với Ngân hàng TMCP N để vay số tiền Số tiền vay: 210.000.000 đồng; Thời hạn vay: 60 tháng; Lãi suất vay: 11.2%/năm; Mục đích vay: mua xe ô tô; Phương thức trả nợ: nợ gốc và lãi được phân kỳ trả vào ngày 07 hằng tháng (theo phụ lục C1 Lịch trả nợ kèm theo HĐTD).

Quá trình thực hiện hợp đồng, theo thỏa thuận tại Hợp đồng đã ký, Ngân hàng TMCP N đã giải ngân cho Công ty TNHH N8 số tiền vay là 210.000.000 đồng. Về phía Công ty TNHH N2, sau khi được giải ngân đã thực hiện thanh toán được tổng số tiền 188.051.181 đồng. Trong đó, tiền gốc là 129.500.000 đồng; tiền lãi đã thanh toán 58.515.181 đồng;

Từ ngày 24/09/2018 đến nay, Công ty TNHH N9 thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP N theo thỏa thuận trong hợp đồng mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Như vậy, Công ty TNHH N2 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ hàng tháng quy định tại Hợp đồng tín dụng và các Phụ lục đính kèm đã ký. Tại phiên tòa, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH N2 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 29/07/2025 là số tiền nợ là **190.518.396 đồng** (bằng chữ: Một trăm chín mươi triệu năm trăm mười tám nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng) trong đó: Nợ gốc: 80.500.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 10.437.005 đồng; Nợ lãi quá hạn: 99.581.391 đồng; Buộc Công ty TNHH N7 thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 30/07/2025 cho đến khi trả hết nợ theo lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0530/2015/408 ngày 07/8/2015 và các Phụ lục kèm theo đã ký là có cơ sở. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định của pháp luật tại các Điều 463, 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đối với Hợp đồng thế chấp số 0530-01/2015/408-BĐ ngày 07/8/2015 và yêu cầu xử lý tài sản để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0530/2015/408 ngày 07/8/2015:

Tài sản Công ty TNHH N10 để bảo đảm cho khoản vay là xe ô tô tải biển kiểm soát 43C-09605, nhãn hiệu THACO, màu sơn: Trắng, số khung 00BKFC060922, số máy JT680258. Giấy đăng ký xe số 012387 thuộc sở hữu của Công ty TNHH N1

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã ra Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ

đối với tài sản đảm bảo này. Tuy nhiên, bị đơn – Công ty TNHH N2 đều vắng mặt và không tập kết xe về địa chỉ được ấn định trong Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ nên Toà án không xác định được chiếc xe nêu trên hiện nay do tổ chức/cá nhân nào đang quản lý sử dụng và không tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp được.

Xét thấy, Hợp đồng thế chấp số 0530-01/2015/408-BĐ ngày 07/8/2015 được các bên tự nguyện ký kết và được công chứng tại Phòng công chứng số A Tp Đà Nẵng, số công chứng 6476 ngày 07/8/2015 là phù hợp với quy định của pháp luật. Các bên đều có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và tự nguyện giao kết, đã được đăng ký thế chấp theo quy định nên hợp đồng này là hợp pháp. Do vậy, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ các thỏa thuận đã cam kết trong các hợp đồng. Ngân hàng yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0530/2015/408 ngày 07/8/2015 và các Phụ lục kèm theo là phù hợp theo quy định tại khoản 7 Điều 323 Bộ luật dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích và đánh giá trên, Hội đồng xét xử nhận thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên cần chấp nhận.

[3] Về án phí và chi phí tố tụng khác:

- Về án phí: Vì chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Công ty TNHH N7 chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho Ngân hàng TMCP N.

- Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng. Ngân hàng TMCP N đã nộp tạm ứng và chi phí xong. Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên cần buộc Công ty TNHH N7 hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền 3.000.000 đồng là phù hợp;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; b khoản 1 Điều 5 Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Toà án nhân dân;

- Căn cứ các Điều 323, 463, và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phạt chậm trả lãi là 13.470.041 đồng.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* của Ngân hàng TMCP N đối với Công ty TNHH N1

Xử:

1. Buộc Công ty TNHH N2 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến ngày 09/07/2025 theo Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0530/2015/408 ngày 07/8/2015 và các Phụ lục hợp đồng là **190.518.396 đồng** (bằng chữ: Một trăm chín mươi triệu năm trăm mười tám nghìn ba trăm chín mươi sáu đồng) trong đó: Nợ gốc: 80.500.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 10.437.005 đồng; Nợ lãi quá hạn: 99.581.391 đồng

Kể từ ngày 30/07/2025, Công ty TNHH N3 phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng dư nợ giảm dần số 0530/2015/408 ngày 07/8/2015 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp Công ty TNHH N9 thanh toán khoản nợ nêu trên thì tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0530-01/2015/408-BĐ ngày 07/8/2015 là xe ô tô tải biển kiểm soát 43C-09605, nhãn hiệu THACO, màu sơn: Trắng, số khung 00BKFC060922, số máy JT680258. Giấy đăng ký xe số 012387 thuộc sở hữu của Công ty TNHH N2 được xử lý theo quy định của pháp luật để thu hồi nợ cho Ngân hàng TMCP N.

2. Về án phí và chi phí tố tụng:

- Án phí dân sự sơ thẩm Công ty TNHH N7 chịu là 9.525.920 đồng.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 4.707.337 đồng đã nộp theo biên lai thu số 5987 ngày 26 tháng 11 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 3 – Đà Nẵng)

- Buộc Công ty TNHH N7 chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 3.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP N.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Phòng THADS Khu vực 3 – Đà Nẵng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Minh Thông

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**